

ĐÁNH GIÁ NGŨ NGHĨA VÀ BỐI CẢNH VĂN HÓA TRONG THÀNH NGŨ: MỘT PHÂN TÍCH SO SÁNH GIỮA TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN
Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Điện lực

Nhận bài ngày 05/5/2026. Sửa chữa xong 16/6/2026. Duyệt đăng 27/6/2026.

Abstract

This study explores similarities and differences between idioms in English and Vietnamese to clarify how these cultural expressions reflect the values, beliefs, and social experiences of each culture. By analyzing selected idioms, the paper focuses on linguistic features, cultural contexts, and underlying meanings. It examines not only linguistic structures but also the cultural content represented by idioms. The findings show that although many shared cultural values are conveyed through idioms, significant differences arise from the historical and social contexts of each language. The study contributes to a deeper understanding of idioms in intercultural communication.

Keywords: Cognitive linguistics, communication, comparison, culture, idioms, intercultural communication, language.

1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ không chỉ là phương tiện giao tiếp mà còn phản ánh tri thức, kinh nghiệm và bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc. Trong đó, thành ngữ là đơn vị ngôn ngữ mang tính cố định và giàu ý nghĩa biểu trưng, phản ánh cách con người nhận thức và lý giải thế giới xung quanh (Fernando, 1996). Theo Lakoff và Johnson (1980), thành ngữ là sự hiện thực hóa các ẩn dụ ý niệm được hình thành từ trải nghiệm sống và bối cảnh văn hóa của cộng đồng. Trong tiếng Anh và tiếng Việt, thành ngữ được sử dụng rộng rãi trong giao tiếp và đời sống xã hội. Tuy nhiên, do khác biệt về lịch sử, môi trường sống và văn hóa, nhiều thành ngữ của hai ngôn ngữ tuy tương đồng về ý nghĩa nhưng khác nhau về hình ảnh biểu trưng. Chẳng hạn, *Kill two birds with one stone* tương ứng với *Một công đôi việc* cùng diễn đạt việc đạt được hai mục tiêu trong một hành động nhưng phản ánh những cách thức biểu đạt khác nhau. Điều này cho thấy thành ngữ không chỉ phản ánh tư duy ngôn ngữ mà còn thể hiện những đặc trưng văn hóa riêng của từng dân tộc. Trong những năm gần đây, nghiên cứu thành ngữ dưới góc độ ngôn ngữ học văn hóa và ngôn ngữ học tri nhận đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Các công trình của Kövecses (2010), Nguyễn Thiện Giáp (2016) và Đỗ Hữu Châu (2018) đều khẳng định mối quan hệ mật thiết giữa ngôn ngữ và văn hóa trong quá trình hình thành và sử dụng thành ngữ. Tuy nhiên, các nghiên cứu đối chiếu chuyên sâu giữa thành ngữ tiếng Anh và tiếng Việt với số lượng mẫu lớn vẫn còn hạn chế, đặc biệt là những nghiên cứu kết hợp phân tích ngữ nghĩa và bối cảnh văn hóa. Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm trả lời hai câu hỏi chính: 1) Thành ngữ tiếng Anh và tiếng Việt có những điểm tương đồng và khác biệt nào về mặt ngữ nghĩa?; 2) Các yếu tố văn hóa nào ảnh hưởng đến sự hình thành và sử dụng thành ngữ trong hai ngôn ngữ?. Việc trả lời các câu hỏi trên không chỉ góp phần bổ sung cơ sở lý luận cho nghiên cứu ngôn ngữ học đối chiếu mà còn có ý nghĩa thực tiễn trong giảng dạy ngoại ngữ, biên phiên dịch và giao tiếp liên văn hóa.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính kết hợp với phương pháp đối chiếu ngôn ngữ. Dữ liệu

Email: vanth@epu.edu.vn

gồm 50 cặp thành ngữ tiếng Anh và tiếng Việt được thu thập từ các từ điển thành ngữ uy tín và các công trình nghiên cứu liên quan. Các thành ngữ được lựa chọn dựa trên tiêu chí tương đồng hoặc gần tương đồng về ý nghĩa nhằm đảm bảo tính đại diện cho các chủ đề phổ biến trong đời sống và văn hóa.

Quá trình phân tích được thực hiện theo hai bước: 1) Các thành ngữ được đối chiếu để xác định mức độ tương đồng và khác biệt về ngữ nghĩa; 2) Các yếu tố văn hóa, lịch sử, môi trường sống và đặc điểm tư duy của cộng đồng bản ngữ được phân tích nhằm lý giải sự khác biệt trong cách biểu đạt giữa hai ngôn ngữ. Cách tiếp cận này dựa trên khung lý thuyết của ngôn ngữ học tri nhận và ngôn ngữ học văn hóa, cho phép làm rõ mối quan hệ giữa ngôn ngữ, nhận thức và văn hóa trong thành ngữ Anh - Việt (Lakoff & Johnson, 1980; Kövecses, 2010).

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Khái niệm thành ngữ

Ngôn ngữ không chỉ là phương tiện giao tiếp mà còn phản ánh tri thức, tư duy và bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc. Trong đó, thành ngữ được xem là đơn vị ngôn ngữ giàu tính biểu trưng, thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa ngôn ngữ, nhận thức và văn hóa (Fernando, 1996; Hoàng Văn Hành, 2008). Nhiều nghiên cứu cho thấy thành ngữ được hình thành từ các trải nghiệm sống và mô hình nhận thức của con người, đồng thời phản ánh những giá trị văn hóa đặc thù của cộng đồng ngôn ngữ (Lakoff & Johnson, 1980; Kövecses, 2010). Mặc dù thành ngữ tiếng Anh và tiếng Việt có nhiều điểm tương đồng về ý nghĩa, sự khác biệt về bối cảnh văn hóa và môi trường sống đã tạo nên những hình ảnh biểu trưng riêng, góp phần thể hiện bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc.

3.2. Ngữ nghĩa của thành ngữ

Ngữ nghĩa thành ngữ phản ánh mối quan hệ giữa ngôn ngữ, nhận thức và văn hóa. Nhiều nghiên cứu cho rằng ý nghĩa của thành ngữ không đơn thuần được hình thành từ nghĩa của các thành tố cấu tạo mà là kết quả của quá trình quy ước hóa và tích lũy kinh nghiệm xã hội của cộng đồng ngôn ngữ (Nunberg et al., 1994; Fernando, 1996; Moon, 1998). Từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận, thành ngữ được xem là sản phẩm của các cơ chế ẩn dụ và hoán dụ ý niệm, phản ánh cách con người khái niệm hóa thế giới dựa trên trải nghiệm sống (Lakoff & Johnson, 1980; Gibbs, 1994; Kövecses, 2010). Bên cạnh yếu tố nhận thức, nhiều học giả cũng nhấn mạnh vai trò của văn hóa trong việc kiến tạo ý nghĩa thành ngữ. Các giá trị, niềm tin và kinh nghiệm văn hóa của cộng đồng ảnh hưởng trực tiếp đến việc lựa chọn hình ảnh biểu trưng và cách diễn đạt cùng một ý niệm (Wierzbicka, 1997; Kramsch, 1998). Do đó, nghiên cứu ngữ nghĩa thành ngữ cần được tiếp cận đồng thời từ góc độ nhận thức và văn hóa nhằm làm rõ những đặc trưng chung và riêng của các cộng đồng ngôn ngữ.

3.3. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ, văn hóa và thành ngữ

Nhiều nghiên cứu khẳng định rằng ngôn ngữ không chỉ phản ánh mà còn góp phần duy trì và truyền tải các giá trị văn hóa của cộng đồng (Kramsch, 1998). Trong đó, thành ngữ là một trong những đơn vị ngôn ngữ thể hiện rõ nhất mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa vì chứa đựng những kinh nghiệm sống, tri thức dân gian và hệ giá trị được tích lũy qua nhiều thế hệ. Từ góc độ ngôn ngữ học văn hóa, các hình ảnh xuất hiện trong thành ngữ thường phản ánh môi trường sống, phương thức sản xuất và đặc điểm văn hóa của cộng đồng ngôn ngữ (Charteris-Black, 2004; Kövecses, 2010). Do đó, cùng một ý niệm, các ngôn ngữ khác nhau có thể sử dụng những hình ảnh biểu trưng khác nhau để diễn đạt. Đối với tiếng Anh và tiếng Việt, sự khác biệt về điều kiện lịch sử và văn hóa đã tạo nên những hệ thống biểu tượng riêng trong thành ngữ. Tuy nhiên, nhiều thành ngữ của hai ngôn ngữ vẫn thể hiện những giá trị chung liên quan đến lao động, gia đình và các mối quan hệ xã hội. Điều này cho thấy thành ngữ vừa phản ánh những trải nghiệm mang tính phổ quát của con người vừa thể hiện bản sắc văn hóa đặc thù của từng dân tộc.

3.4. Khoảng trống nghiên cứu

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về thành ngữ dưới góc độ ngữ nghĩa, ngôn ngữ học tri nhận và ngôn ngữ học văn hóa, các nghiên cứu đối chiếu thành ngữ tiếng Anh và tiếng Việt vẫn chủ yếu tập

trung vào những nhóm thành ngữ hoặc trường nghĩa riêng lẻ. Bên cạnh đó, mối quan hệ giữa ý nghĩa thành ngữ và các yếu tố văn hóa chi phối quá trình hình thành, sử dụng thành ngữ chưa được phân tích một cách toàn diện. Do đó, vẫn còn thiếu các nghiên cứu tiếp cận thành ngữ Anh - Việt theo hướng tích hợp giữa ngữ nghĩa và bối cảnh văn hóa trên một tập hợp dữ liệu đủ lớn. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm bổ sung khoảng trống đó thông qua việc phân tích và so sánh 50 cặp thành ngữ tiếng Anh và tiếng Việt dưới góc độ ngữ nghĩa và văn hóa.

3.5. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Kết quả phân tích 50 cặp thành ngữ tiếng Anh và tiếng Việt cho thấy tồn tại cả sự tương đồng và khác biệt đáng kể về phương diện ngữ nghĩa và văn hóa. Về ngữ nghĩa, phần lớn các cặp thành ngữ được khảo sát đều thể hiện sự tương đồng về ý nghĩa khái quát, phản ánh những kinh nghiệm sống và nhận thức mang tính phổ quát của con người như tình cảm gia đình, lao động, tình bạn, sự kiên trì, thành công hay thất bại. Chẳng hạn, các cặp thành ngữ như No pain, no gain - Có công mài sắt, có ngày nên kim hay A friend in need is a friend indeed - Hoạn nạn mới biết bạn hiền đều truyền tải những bài học và giá trị sống tương đồng. Các thành ngữ được phân thành 5 nhóm chủ đề chính gồm: 1) Tình cảm gia đình và quan hệ xã hội; 2) Lao động và kinh nghiệm sống; 3) Động vật.

Bảng 1: So sánh 50 cặp thành ngữ, tục ngữ tiếng Anh và tiếng Việt

STT	Thành ngữ/Tục ngữ tiếng Anh	Thành ngữ/Tục ngữ tiếng Việt	Ý nghĩa chung
1	Blood is thicker than water	Một giọt máu đào hơn ao nước lã	Tình thân quan trọng nhất
2	Like father, like son	Cha nào con nấy	Con cái chịu ảnh hưởng từ cha mẹ
3	The apple does not fall far from the tree	Con nhà tông không giống lông cũng giống cánh	Sự kế thừa giữa các thế hệ
4	Charity begins at home	Tu thân rồi mới tề gia	Quan tâm gia đình trước
5	A house divided against itself cannot stand	Anh em bất hòa, gia đình suy yếu	Đoàn kết gia đình
6	No pain, no gain	Có công mài sắt, có ngày nên kim	Thành công nhờ nỗ lực
7	Practice makes perfect	Trăm hay không bằng tay quen	Rèn luyện tạo nên kỹ năng
8	Where there is a will, there is a way	Có chí thì nên	Ý chí tạo nên thành công
9	Rome was not built in a day	Dục tốc bất đạt	Thành công cần thời gian
10	Hard work pays off	Có làm thì mới có ăn	Lao động mang lại thành quả
11	Actions speak louder than words	Nói ít làm nhiều	Hành động quan trọng hơn lời nói
12	Easy come, easy go	Của thiên trả địa	Có được dễ thì mất dễ
13	Time is money	Thời gian là vàng bạc	Quý trọng thời gian
14	Strike while the iron is hot	Thừa thắng xông lên	Nắm bắt cơ hội
15	Don't put off until tomorrow what you can do today	Việc hôm nay chớ để ngày mai	Tránh trì hoãn
16	Kill two birds with one stone	Một công đôi việc	Một hành động đạt hai mục tiêu
17	The early bird catches the worm	Trâu chậm uống nước đục	Chủ động sẽ có lợi thế
18	Let sleeping dogs lie	Đừng khơi chuyện cũ	Tránh gây rắc rối
19	Every dog has its day	Sông có khúc, người có lúc	Ai cũng có cơ hội thành công
20	A wolf in sheep's clothing	Miệng nam mô bụng bỏ dao găm	Giả tạo, nguy hiểm
21	Birds of a feather flock together	Ngưu tầm ngưu, mã tầm mã	Người giống nhau thường chơi với nhau
22	Don't count your chickens before they hatch	Nói trước bước không qua	Không nên quá tự tin
23	Cry wolf	Hô hoán giả nhiều lần mất uy tín	Báo động giả
24	Busy as a bee	Chăm như ong	Chăm chỉ, cần cù
25	Like a fish out of water	Như cá mắc cạn	Không thích nghi được

STT	Thành ngữ/Tục ngữ tiếng Anh	Thành ngữ/Tục ngữ tiếng Việt	Ý nghĩa chung
26	Every cloud has a silver lining	Trong cái rủi có cái may	Lạc quan trước khó khăn
27	The last straw	Giọt nước tràn ly	Giới hạn chịu đựng
28	After the storm comes the calm	Sau cơn mưa trời lại sáng	Khó khăn rồi sẽ qua
29	Make hay while the sun shines	Tranh thủ lúc thuận lợi	Tận dụng cơ hội
30	Still waters run deep	Sông sâu tĩnh lặng	Người ít nói thường sâu sắc
31	A drop in the ocean	Muối bỏ bể	Quá nhỏ bé, không đáng kể
32	As clear as daylight	Rõ như ban ngày	Rất rõ ràng
33	Head in the clouds	Treo cành cây cao	Mơ mộng viễn vông
34	Many hands make light work	Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao	Sức mạnh tập thể
35	United we stand, divided we fall	Đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết	Đoàn kết tạo sức mạnh
36	A friend in need is a friend indeed	Hoạn nạn mới biết bạn hiền	Bạn tốt lúc khó khăn
37	Two heads are better than one	Ba người cùng nghĩ tắt nên việc	Hợp tác hiệu quả hơn
38	One good turn deserves another	Ăn quả nhớ kẻ trồng cây	Biết ơn người giúp đỡ
39	Honesty is the best policy	Thật thà là cha quý quái	Đề cao sự trung thực
40	Better late than never	Muộn còn hơn không	Làm muộn vẫn tốt hơn không làm
41	Look before you leap	Uốn lưỡi bảy lần trước khi nói	Cẩn trọng trước khi hành động
42	Don't judge a book by its cover	Tốt gỗ hơn tốt nước sơn	Không đánh giá qua vẻ ngoài
43	As you sow, so shall you reap	Gieo gió gặt bão	Hành động nào kết quả ấy
44	You reap what you sow	Ở hiền gặp lành/Gieo gì gặt nấy	Luật nhân quả
45	The pen is mightier than the sword	Lời nói đôi máu	Sức mạnh của ngôn từ
46	Better safe than sorry	Cẩn tắc vô áy náy	Cẩn thận hơn hối tiếc
47	When in Rome, do as the Romans do	Nhập gia tùy tục	Thích nghi với môi trường
48	Seeing is believing	Trăm nghe không bằng một thấy	Tin vào điều tận mắt chứng kiến
49	Don't bite the hand that feeds you	Ăn cháo đá bát	Vô ơn với người giúp đỡ
50	Out of sight, out of mind	Xa mặt cách lòng	Xa cách dẫn đến phai nhạt tình cảm

3.5.1. Thành ngữ về tình cảm gia đình và quan hệ xã hội

Tình cảm gia đình là một trong những chủ đề xuất hiện phổ biến trong cả thành ngữ và tục ngữ tiếng Anh và tiếng Việt. Kết quả khảo sát cho thấy các đơn vị ngôn ngữ thuộc nhóm này không chỉ phản ánh mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình mà còn thể hiện những giá trị văn hóa cốt lõi của mỗi cộng đồng. Trong cả hai ngôn ngữ, gia đình được xem là nền tảng của đời sống xã hội, là nơi hình thành nhân cách và duy trì các chuẩn mực đạo đức. Tuy nhiên, cách biểu đạt và các giá trị được nhấn mạnh có những điểm khác biệt nhất định.

Trong tiếng Việt, tục ngữ về tình cảm gia đình thường đề cao tình thân gắn kết, lòng hiếu thảo và trách nhiệm giữa các thế hệ. Những câu như *"Công cha như núi Thái Sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra"*, *"Anh em như thể tay chân"* hay *"Một giọt máu đào hơn ao nước lã"* nhấn mạnh sự thiêng liêng của quan hệ huyết thống và nghĩa vụ đạo đức của mỗi cá nhân đối với gia đình. Các hình ảnh được sử dụng thường gắn gũi với đời sống và thiên nhiên, góp phần làm nổi bật truyền thống coi trọng gia đình trong văn hóa Việt Nam. Điều này phản ánh ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo, trong đó gia đình được xem là đơn vị trung tâm của xã hội và là nơi duy trì các giá trị đạo đức truyền thống (Trần Ngọc Thêm, 1999; Nguyễn Thiện Giáp, 2016). Trong tiếng Anh, các tục ngữ và thành ngữ liên quan đến gia đình cũng đề cao vai trò của gia đình nhưng thường nhấn mạnh tính gắn bó về mặt tình cảm và sự hỗ trợ giữa các thành viên. Chẳng hạn, câu tục ngữ *"Blood is thicker than water"* mang ý nghĩa quan hệ gia đình luôn bền chặt hơn các mối quan hệ xã hội khác. Tương tự, *"Like father, like son"* hay *"The apple*

does not fall far from the tree” phản ánh sự kế thừa về tính cách và hành vi giữa các thế hệ trong gia đình. Những biểu thức này cho thấy nhận thức của người phương Tây về ảnh hưởng của môi trường gia đình đối với sự hình thành nhân cách cá nhân (Mieder, 2004).

Nhìn chung, các thành ngữ và tục ngữ về tình cảm gia đình trong tiếng Anh và tiếng Việt đều khẳng định giá trị bền vững của gia đình đối với con người. Đồng thời, chúng cũng phản ánh những đặc trưng văn hóa riêng của mỗi dân tộc, góp phần làm phong phú kho tàng tri thức dân gian và cung cấp nguồn tư liệu có giá trị cho nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa đối chiếu.

3.5.2. Thành ngữ về lao động và kinh nghiệm sống

Kết quả phân tích cho thấy lao động và kinh nghiệm sống là một trong những chủ đề xuất hiện phổ biến trong cả thành ngữ tiếng Anh và tiếng Việt. Nhóm thành ngữ này phản ánh những nhận thức và giá trị chung của con người về vai trò của sự nỗ lực, tính kiên trì và quá trình tích lũy kinh nghiệm trong việc đạt được thành công. Sự tương đồng về nội dung ngữ nghĩa cho thấy đây là những kinh nghiệm mang tính phổ quát, được hình thành từ thực tiễn lao động và được lưu truyền qua nhiều thế hệ dưới dạng tri thức dân gian (Fernando, 1996; Kövecses, 2010).

Nhiều cặp thành ngữ trong hai ngôn ngữ thể hiện quan niệm rằng thành công không phải là kết quả của may mắn mà là thành quả của quá trình phấn đấu bền bỉ. Chẳng hạn, thành ngữ *No pain, no gain* trong tiếng Anh và tục ngữ *Có công mài sắt, có ngày nên kim* trong tiếng Việt đều nhấn mạnh mối quan hệ giữa nỗ lực và thành quả. Tương tự, *Practice makes perfect* và *Trăm hay không bằng tay quen* cùng phản ánh vai trò của việc rèn luyện thường xuyên trong quá trình hoàn thiện kỹ năng và nâng cao năng lực cá nhân. Những biểu thức này cho thấy cả hai nền văn hóa đều đề cao giá trị của lao động và xem đó là điều kiện tiên quyết để đạt được sự tiến bộ trong cuộc sống.

Từ góc độ ngôn ngữ học văn hóa, những khác biệt này phản ánh sự tác động của môi trường kinh tế, xã hội và lịch sử đối với quá trình hình thành thành ngữ. Trong khi nhiều thành ngữ tiếng Anh chịu ảnh hưởng của xã hội công nghiệp và tư duy cá nhân, thành ngữ tiếng Việt lại phản ánh kinh nghiệm lao động tập thể và những giá trị gắn liền với đời sống nông nghiệp truyền thống. Mặc dù vậy, cả hai hệ thống thành ngữ đều hướng tới việc khẳng định ý nghĩa của lao động, sự kiên trì và tinh thần vượt khó như những giá trị cốt lõi trong quá trình phát triển của con người. Kết quả này phù hợp với quan điểm của ngôn ngữ học tri nhận cho rằng thành ngữ là sự phản ánh các mô hình nhận thức được hình thành từ trải nghiệm sống và bối cảnh văn hóa của cộng đồng ngôn ngữ (Lakoff & Johnson, 1980).

3.5.3. Thành ngữ liên quan đến động vật

Kết quả nghiên cứu cho thấy động vật là nguồn hình ảnh biểu trưng phổ biến trong cả thành ngữ tiếng Anh và tiếng Việt, phản ánh cách con người nhận thức và diễn giải thế giới thông qua những đối tượng quen thuộc trong đời sống (Kövecses, 2010). Tuy nhiên, sự lựa chọn các loài vật chịu ảnh hưởng rõ rệt bởi môi trường sống và bối cảnh văn hóa của từng cộng đồng ngôn ngữ. Trong tiếng Anh, các loài vật như chó, ngựa, chim hay cừu xuất hiện khá phổ biến. Chẳng hạn, *Kill two birds with one stone* tương đồng với *Một công đôi việc* cùng thể hiện việc đạt được nhiều mục tiêu trong một hành động. Trong khi đó, tiếng Việt thường sử dụng các hình ảnh gắn liền với nền văn minh lúa nước như trâu, bò, gà và vịt. Ví dụ, *Trâu chậm uống nước đục* và *The early bird catches the worm* đều nhấn mạnh lợi thế của sự chủ động và nhanh nhẹn trong cuộc sống. Sự khác biệt về hình ảnh biểu trưng cho thấy thành ngữ không chỉ phản ánh kinh nghiệm nhận thức chung mà còn lưu giữ những đặc trưng văn hóa và lịch sử của từng dân tộc. Các loài vật xuất hiện trong thành ngữ thường gắn bó mật thiết với đời sống kinh tế, xã hội và môi trường sinh thái của cộng đồng sử dụng ngôn ngữ. Vì vậy, nghiên cứu thành ngữ liên quan đến động vật góp phần làm rõ mối quan hệ giữa ngôn ngữ, văn hóa và nhận thức trong quá trình kiến tạo ý nghĩa (Wierzbicka, 1997; Kövecses, 2010).

3.6. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy thành ngữ tiếng Anh và tiếng Việt vừa thể hiện tính phổ quát của nhận

thức con người, vừa phản ánh những đặc trưng văn hóa riêng của từng cộng đồng ngôn ngữ. Sự tương đồng về nội dung, ý nghĩa ở nhiều cặp thành ngữ cho thấy con người, bất kể khác biệt về ngôn ngữ hay văn hóa đều chia sẻ những kinh nghiệm sống cơ bản liên quan đến gia đình, lao động, các mối quan hệ xã hội và ứng xử trước những thách thức trong cuộc sống. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng cùng một ý niệm hoặc giá trị sống có thể được biểu đạt thông qua những hình ảnh hoàn toàn khác nhau trong hai ngôn ngữ. Sự khác biệt này bắt nguồn từ những điều kiện lịch sử, môi trường sinh thái, phương thức sản xuất và hệ giá trị văn hóa của từng cộng đồng. Kết quả này củng cố quan điểm rằng ngôn ngữ là nơi phản ánh các mô hình nhận thức văn hóa được cộng đồng chia sẻ và lưu truyền qua nhiều thế hệ. Từ góc độ ứng dụng, nghiên cứu cho thấy việc tìm hiểu thành ngữ cần được đặt trong mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, không chỉ tập trung vào nghĩa từ vựng. Việc nhận diện các yếu tố văn hóa ẩn sau thành ngữ không chỉ giúp nâng cao hiệu quả học tập và giảng dạy ngoại ngữ mà còn góp phần hạn chế những hiểu lầm trong giao tiếp liên văn hóa. Đồng thời, những kết quả này cũng cung cấp cơ sở tham khảo hữu ích cho hoạt động biên dịch, nghiên cứu ngôn ngữ đối chiếu và nghiên cứu văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

4. Kết luận

Nghiên cứu đã chỉ ra rằng thành ngữ tiếng Anh và tiếng Việt vừa có những điểm tương đồng vừa có những khác biệt về phương diện ngữ nghĩa và văn hóa. Sự tương đồng thể hiện ở việc cả hai ngôn ngữ đều sử dụng thành ngữ để phản ánh kinh nghiệm sống, truyền tải các bài học đạo đức, triết lý nhân sinh và những giá trị phổ quát của con người. Tuy nhiên, sự khác biệt về điều kiện lịch sử, môi trường tự nhiên, phương thức sản xuất và đặc điểm văn hóa của mỗi dân tộc đã tạo nên những hình ảnh biểu trưng, cách diễn đạt và sắc thái ý nghĩa riêng trong từng hệ thống thành ngữ. Kết quả nghiên cứu cũng khẳng định việc phân tích thành ngữ dưới góc độ ngôn ngữ học tri nhận và ngôn ngữ học văn hóa giúp làm sáng tỏ mối quan hệ chặt chẽ giữa ngôn ngữ, tư duy và văn hóa. Thành ngữ không chỉ là phương tiện biểu đạt ngôn ngữ mà còn là kho tàng lưu giữ tri thức, kinh nghiệm và bản sắc văn hóa của mỗi cộng đồng. Vì vậy, việc hiểu đúng ý nghĩa và bối cảnh sử dụng thành ngữ có ý nghĩa quan trọng trong giảng dạy ngoại ngữ, biên dịch, phiên dịch cũng như nâng cao năng lực giao tiếp liên văn hóa. Bên cạnh những kết quả đạt được, nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế như phạm vi khảo sát chưa bao quát toàn bộ hệ thống thành ngữ của hai ngôn ngữ và chưa đi sâu vào phân tích thành ngữ theo từng lĩnh vực ngữ nghĩa hoặc từng bối cảnh giao tiếp cụ thể. Trong các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng quy mô ngữ liệu, kết hợp các phương pháp định lượng và phân tích ngữ liệu điện tử để đánh giá toàn diện hơn sự tương đồng và khác biệt giữa thành ngữ tiếng Anh và tiếng Việt, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ và ứng dụng trong thực tiễn.

Tài liệu tham khảo

- Charteris-Black, J. (2004). *Corpus approaches to critical metaphor analysis*. Palgrave Macmillan, pp. 157.
- Đỗ Hữu Châu (2018). *Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng*. NXB Giáo dục Việt Nam, tr. 30-45.
- Fernando, C. (1996). *Idioms and idiomaticity*. Oxford University Press, pp. 30-35, 82-85.
- Gibbs, R. W. (1994). *The poetics of mind: Figurative thought, language, and understanding*. Cambridge University Press, pp. 1-15, 78, 256.
- Hoàng Văn Hành (2008). *Thành ngữ học tiếng Việt*. NXB Khoa học Xã hội, tr. 15-24, 96-10.
- Kövecses, Z. (2010). *Metaphor: A practical introduction* (2nd ed.). Oxford University Press, pp. 13-21, 197-209, 223-228.
- Kramsch, C. (1998). *Language and culture*. Oxford University Press, pp. 3-8.
- Lakoff, G., & Johnson, M. (1980). *Metaphors we live by*. University of Chicago Press, pp. 3-6, 156-157.
- Nguyễn Thiện Giáp (2016). *Từ vựng học tiếng Việt*. NXB Giáo dục Việt Nam, tr. 78-95.
- Nguyễn Văn Khang (2012). *Ngôn ngữ học xã hội*. NXB Giáo dục Việt Nam, tr. 380-420.
- Nunberg, G., Sag, I. A., & Wasow, T. (1994). Idioms. *Language*, 70(3), 491-538. <https://doi.org/10.2307/416483>.
- Trần Ngọc Thêm (1999). *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. NXB Giáo dục, tr. 239-255, 314-320.
- Wierzbicka, A. (1997). *Understanding cultures through their key words: English, Russian, Polish, German, and Japanese*. Oxford University Press, pp. 4-17, 20-28.